

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2023, TRIỂN KHAI PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024 NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHẦN THỨ NHẤT

BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, năm bản lề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo động lực đối với việc hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021 - 2025. Bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức mới xuất hiện gay gắt, nặng nề hơn so với dự báo; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ, rất khác biệt so với thời điểm xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột Nga - Ucraina kéo dài. Kinh tế thế giới phục hồi khó khăn; các chuỗi cung ứng bị gián đoạn, đứt gãy; giá nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất biến động mạnh; lạm phát thế giới vẫn ở mức cao; nhiều nước thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất, gia tăng bảo hộ thương mại dẫn đến suy giảm tăng trưởng và gia tăng rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản. Hậu quả của đại dịch COVID-19 còn phải khắc phục trong nhiều năm tới. Thiên tai, bão lũ, hạn hán, biến đổi khí hậu diễn biến bất thường, khó dự báo; các thách thức an ninh phi truyền thống như an ninh năng lượng, lương thực và an ninh mạng nổi lên phức tạp, tác động trực tiếp, đa chiều đến phát triển của nhiều quốc gia, khu vực.

Ở trong nước, chính trị, xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế nước ta nhiều hơn thời cơ, thuận lợi, trong đó có những vấn đề vượt khỏi khả năng dự báo đã tác động xấu, ảnh hưởng nặng nề đối với nền kinh tế nước ta. Với vị thế là một nền kinh tế có độ mở lớn nhưng quy mô còn khiêm tốn, năng lực cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế; kinh tế nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tác động của bối cảnh kinh tế thế giới, khu vực; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp; hậu quả của đại dịch COVID-19 tiếp tục kéo dài...

Trước tình hình đó, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã nhận định đúng tình hình, quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra kịp thời,

đúng hướng, hiệu quả; linh hoạt trong điều hành để hài hòa các mục tiêu trước mắt và lâu dài. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ được giao, tham mưu, chỉ đạo toàn Ngành tổ chức thực hiện kịp thời nhiều giải pháp nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đặc biệt là khơi thông các điểm nghẽn về chính sách, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương. Kế thừa các kết quả quan trọng và toàn diện đã đạt được, phát huy mạnh mẽ tinh thần đổi mới, sáng tạo, thành tựu tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành từ đầu nhiệm kỳ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ Ngành trong năm 2023.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Bám sát chủ đề điều hành "***Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả***", xác định ý nghĩa then chốt của năm 2023 và để thực hiện Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, ngay từ đầu năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nỗ lực tập trung triển khai thực hiện tốt nội dung các Nghị quyết của Chính phủ, các chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023¹. Trong đó, đã xác định những nội dung công việc, thời gian hoàn thành cụ thể để từ đó phân giao trách nhiệm cho từng đồng chí Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trên tinh thần nhấn mạnh vai trò trách nhiệm của người đứng đầu.

Căn cứ 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của của Chính phủ, toàn Ngành tài nguyên và môi trường đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động trong triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời trong phản ứng chính sách để giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước của Ngành. Trong đó, toàn Ngành đặt trọng tâm vào đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; tổ chức lập và triển khai thực hiện các quy hoạch; tiếp tục đề xuất các giải pháp, khơi thông các điểm nghẽn nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, phục vụ trực tiếp cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

¹ Quyết định số 52/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, huy động sự tham gia của toàn Ngành và các cơ quan trong hệ thống chính trị tích cực tổ chức tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức triển khai các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương² về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của Ngành.

Trên cơ sở tổng kết thi hành pháp luật, toàn Ngành tài nguyên và môi trường đã tập trung cao độ xây dựng, hoàn thiện các dự án: Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và Luật Địa chất và Khoáng sản. Tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); dự án Luật Đất đai (sửa đổi) tiếp tục được thảo luận, cho ý kiến và sẽ trình Quốc thông qua tại kỳ họp gần nhất. Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản đang tiếp tục được hoàn thiện để bảo đảm trình Chính phủ trình Quốc hội trong năm 2024³. Trong đó, nổi bật là tổ chức tốt việc lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) với đa dạng phương thức lấy ý kiến, tuyên truyền các điểm mới, thay đổi lớn trong dự thảo Luật đến mọi tầng, lớp Nhân dân. Đây thực sự trở thành sự kiện sinh hoạt chính trị sôi nổi với hơn 12 triệu lượt ý kiến góp ý.

Ngoài ra, với tinh thần cầu thị, luôn hướng về địa phương, cơ sở, Bộ đã chủ động cùng với các địa phương nắm bắt các vướng mắc trong thi hành pháp luật đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành các văn bản để tháo gỡ⁴.

² Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³ Theo Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, dự án Luật Địa chất và Khoáng sản có thời hạn trình Chính phủ vào tháng 02/2024, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 03/2024.

⁴ Gồm: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 15/5/2012 của Chính phủ quy định phương pháp định giá đất; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Chỉ đạo xây dựng các Nghị định hướng dẫn thi hành để bảo đảm hiệu lực thi hành đồng bộ, thống nhất với thời hiệu của Luật Đất đai (sửa đổi), Luật tài nguyên nước (sửa đổi) sau khi được ban hành.

Trong năm 2023, Bộ đã xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 09 dự thảo VBQPPL, 03 nghị định⁵, 03 quyết định⁶ đã được ban hành; Bộ đã ban hành theo thẩm quyền 19 thông tư giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn, rút ngắn thủ tục hành chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường kỷ cương trong tổ chức thực thi chính sách, pháp luật. Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương rà soát, đánh giá việc xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền đảm bảo thống nhất của hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước.

Đối với công tác lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch, Bộ tập trung xây dựng, hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ 08/08 quy hoạch cấp quốc gia⁷, 10/15 quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành⁸. Trong đó, lập Quy hoạch không gian biển quốc gia là nhiệm vụ khó, phức tạp, lần đầu được triển khai thực hiện ở nước ta (*Quy hoạch đang được Ban cán sự đảng Bộ trình, xin ý kiến của Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội*).

Tại địa phương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường tạo lập hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống⁹.

⁵ Gồm: (1) Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; (2) Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; (3) Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

⁶ Gồm: (1) Quyết định số 06/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với quy mô dưới 500 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa; (2) Quyết định số 10/2023/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường; (3) Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22/5/2023 ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

⁷ Trong đó:

- 03 quy hoạch đã được phê duyệt: (1) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- 05 quy hoạch đang tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng thẩm định quốc gia: (1) Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁸ Trong đó, 08 Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông (LVS Sê San, LVS Bằng Giang – Kỳ Cùng, LVS Srepok, LVS Mã, LVS Đồng Nai, LVS Hương, LVS Hồng – Thái Bình, LVS Cửu Long); Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁹ Các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ yếu quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường, Luật đất đai và các văn bản dưới Luật.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Ngành theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý

Bộ đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, các đơn vị trực thuộc theo Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 của Chính phủ. Sau khi kiện toàn, sắp xếp, tổ chức bộ máy của Bộ đã giảm mạnh đầu mối trung gian; giảm số lượng lớn lãnh đạo, quản lý và biên chế tham mưu tổng hợp, hỗ trợ phục vụ¹⁰. Tổ chức xây dựng Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường; ban hành hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường¹¹; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành tài nguyên và môi trường¹². Tiếp tục tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế trong công tác cán bộ, theo hướng tăng cường phân cấp đi đôi với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, quy trình, thời gian thực hiện¹³. Đẩy mạnh việc thực hiện quản lý hồ sơ công chức, viên chức thông qua hệ thống phần mềm quản lý để từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ. Tiếp tục ban hành các văn bản siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ¹⁴; xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Các địa phương đã kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thống nhất quản lý của Ngành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa nền hành chính, chuyển đổi số

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Bộ đã đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm

¹⁰ giảm 04 tổng cục (chuyển đổi thành 07 cục và 02 vụ trực thuộc Bộ); 40 tổ chức cục, vụ và tương đương trực thuộc tổng cục và 23 phòng; giảm và bố trí sắp xếp: 20 lãnh đạo cấp tổng cục; 120 lãnh đạo cấp vụ, cục và tương đương thuộc tổng cục và 46 lãnh đạo cấp phòng; chuyển được một số biên chế thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, hỗ trợ phục vụ sang thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

¹¹ Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 04/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

¹² Thông tư số 10/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

¹³ Trình Ban Cán sự đảng xem xét, sửa đổi Quyết định số 18-QĐ/BCSĐTNMT ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ TN&MT; Quy định số 19-QĐ/BCSĐTNMT về luân chuyển cán bộ; Quy định số 14-QĐ/BCSĐTNMT ngày 21/12/2021 của Ban Cán sự đảng về phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ TN&MT; Quy định của Bộ TN&MT về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ (*thay thế Quy chế quản lý công chức, viên chức của Bộ TN&MT TN&MT ban hành theo Quyết định số 599/QĐ-BTNMT ngày 28/02/2018*); Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp thuộc Bộ TN&MT (*thay thế Quyết định số 3372/QĐ-BTNMT ngày 27/12/2017*).

¹⁴ Xây dựng, trình Bộ ban hành Quy tắc ứng xử của công chức lãnh đạo, viên chức quản lý thuộc Bộ tại Quyết định số 4038/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ¹⁵. Theo đó, trong tổng số 178 TTHC được rà soát, Bộ sẽ thực hiện bãi bỏ, đơn giản hóa 153/178 TTHC (đạt 85%)¹⁶. Chỉ số cải cách hành chính của Bộ năm 2022 (Par-index) đạt 86.59/100 điểm xếp thứ 6 trên tổng số 17 các Bộ, cơ quan ngang bộ, tiếp tục duy trì thứ hạng so với năm 2021. Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của Bộ năm 2023 đứng thứ 3/17 Bộ, ngành (có dịch vụ công).

Bộ đã vận hành các hệ thống thông tin Chính phủ điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, quản trị, làm việc của Bộ, Ngành tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, trực tuyến; nền tảng kết nối, tích hợp dữ liệu của Bộ đã tích hợp với nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia, với **240** dịch vụ, **10.878.577** giao dịch; số lượng văn bản điện tử (ký số) gửi, nhận qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nội bộ là **95.018 văn bản**. Cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 (Đề án 06/CP)¹⁷.

Toàn bộ 63/63 tỉnh, thành phố đã và đang triển khai xây dựng CSDL, trên cả nước đã có CSDL của 450/705 huyện. Đã kết nối CSDL đất đai của 63/63 tỉnh, thành phố với CSDLQG về dân cư với 461/705 quận/huyện, 6.198/10.599 phường/xã, tổng số hơn 26 triệu thửa đất; cơ bản hoàn thành thí điểm làm giàu, làm sạch dữ liệu về đất đai, thông tin nhà ở trong CSDL đất đai tại tỉnh Hà Nam và TP Hà Nội”.

4. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn

Toàn ngành đã tiến hành 2020 cuộc thanh tra, kiểm tra, đối với 5.089 tổ chức, cá nhân. Xử phạt vi phạm hành chính 944 tổ chức, cá nhân với số tiền 135.156 triệu đồng, kiến nghị truy thu nộp ngân sách nhà nước 68.8 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 382 ha đất.

Thực hiện tốt công tác tiếp, giải quyết các kiến nghị của nhân dân. Tập trung lực lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai phức tạp, đông người; quan tâm giải quyết đối với các vụ việc mới phát sinh, đảm bảo ổn định trật tự, chính trị, xã hội ở các địa phương. Trong năm 2023, toàn Ngành đã tổ chức tiếp 4.276 lượt với 4.960 công dân, có 52 lượt đoàn đông người với 383 người; nhận được là 16.589 lượt đơn thư khiếu nại tố cáo (có 6.358 đơn không đủ điều kiện xử lý, chiếm 38.3% số đơn nhận được), số đơn đủ điều kiện xử lý là

¹⁵ Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022.

¹⁶ Cụ thể từng lĩnh vực: (1) đất đai: 12/17 TTHC, chiếm 70,5%; (2) địa chất và khoáng sản: 28/32 TTHC, chiếm 87,5%; (3) tài nguyên nước: 27/32 TTHC, chiếm 84,3%; (4) khí tượng thủy văn: 08/08 TTHC, chiếm 100%; (5) quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: 25/25 TTHC, chiếm 100%; (6) đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: 01/03 TTHC, chiếm 33%; (7) môi trường: 52/62 TTHC, chiếm 83,87%.

¹⁷ Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 và ban hành 02 Thông tư thay thế có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú.

Hoàn thành rà soát, tái cấu trúc quy trình, triển khai trên toàn quốc và vận hành đối với dịch vụ công về "Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)" thuộc Đề án 06/CP, đã có 63/63 tỉnh, thành phố triển khai, phát sinh 36.079 hồ sơ.

Triển khai tích hợp, liên thông, cung cấp 02 dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực đất đai theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022, đã có 53/63 tỉnh, thành phố triển khai, phát sinh 60.042 hồ sơ;

10.123 đơn tương ứng 10.123 vụ việc.

Công tác tiếp công dân được Bộ thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, bố trí cán bộ có chuyên môn, năng lực, tiếp công dân thường xuyên tại Địa điểm Tiếp công dân. Việc tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư được Bộ thực hiện theo quy định của pháp luật. Đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến Bộ đã được nhập, theo dõi trên hệ thống quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, được phân loại, xử lý theo quy định. Công tác giải quyết khiếu nại có nhiều đổi mới, chú trọng công tác chuẩn bị tiến hành xác minh vụ việc, đã thu thập và nghiên cứu hồ sơ tài liệu, xác định các nội dung cần xác minh, cơ quan, tổ chức, cá nhân cần làm việc, hồ sơ tài liệu cần thu thập, do đó đã rút ngắn đáng kể thời gian làm việc tại địa phương. Trong quá trình giải quyết, luôn chú trọng công tác đối thoại, hòa giải và tuyên truyền chính sách pháp luật để công dân hiểu và tự nguyện rút đơn khiếu nại, do đó số vụ việc đã đình chỉ giải quyết khiếu nại lên tới 62% số vụ việc đã giải quyết thuộc thẩm quyền.

5. Tích cực, chủ động tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác, đón đầu các cơ hội từ xu thế phát triển

Đã chủ động hội nhập với xu thế chung toàn cầu về môi trường, khí hậu; tham gia tích cực và đóng góp có trách nhiệm vào các nỗ lực chung toàn cầu về giải quyết các thách thức thời đại như biến đổi khí hậu, ô nhiễm nhựa, suy giảm đa dạng sinh học và hệ sinh thái; nắm bắt các cơ hội thúc đẩy hợp tác phát triển.

Tham mưu kịp thời cho Đảng, Quốc hội và Chính phủ triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường, khí hậu, nhất là cam kết về mục tiêu phát thải ròng bằng “0”, chuyển đổi năng lượng công bằng, đổi mới cơ chế tài chính, tín dụng quốc tế cho phát triển bền vững. Chủ trì, phối hợp tham mưu Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đặc biệt là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng tham dự và đóng góp thực chất hiệu quả tại nhiều diễn đàn, sự kiện quốc tế quan trọng trong năm, nổi bật là Đoàn công tác của Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu tham dự Hội nghị COP28 tại Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE); Hội nghị thượng đỉnh Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7) mở rộng; Hội nghị rà soát toàn diện giữa kỳ việc triển khai các mục tiêu của Thập kỷ hành động “Nước vì sự phát triển bền vững” giai đoạn 2018-2028; Hội nghị thượng đỉnh về Hiệp ước tài chính toàn cầu mới... Qua đó, từng bước góp phần thực hiện hiệu quả nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực ngoại giao tài nguyên, môi trường và khí hậu; khẳng định vai trò và đóng góp quan trọng của Bộ với tư cách là Cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện các Công ước, nghị định thư và thỏa thuận quốc tế về môi trường, khí hậu.

Chủ động thúc đẩy đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác về tài nguyên, môi trường và khí hậu với nhiều đối tác chiến lược, quan trọng, bao gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Diễn đàn Kinh tế thế giới.... Kịp thời nắm bắt, tham mưu tham gia các sáng kiến quốc tế, khu vực về môi trường, khí hậu. Đặc biệt, đã chủ trì phối hợp với Nhóm các đối tác phát triển về việc thành lập Ban thư

ký, xây dựng Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), thúc đẩy hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, công lý tại Việt Nam, đón đầu các cơ hội hợp tác khai thác tiềm năng lợi thế về tài nguyên gió, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính.

Bộ và các đơn vị trực thuộc đã tham mưu, chuẩn bị nội dung phục vụ Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ tiếp và làm việc với nhiều Đoàn khách quốc tế quan trọng. Chuẩn bị chu đáo và tổ chức tốt việc đón tiếp và làm việc với nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc tại Bộ¹⁸; chủ trì, tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế, để lại ấn tượng tốt đẹp với các đối tác, tổ chức quốc tế.

6. Nâng cao hiệu quả của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu và phát triển các nhiệm vụ phục vụ xây dựng văn bản pháp luật về tài nguyên và môi trường; ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực đất đai, đo đạc bản đồ và viễn thám, tài nguyên nước, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, địa chất khoáng sản, biển và hải đảo và ứng dụng khoa học và công nghệ trong chuyển đổi số và chính phủ điện tử; đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực, các hướng công nghệ ưu tiên; chương trình phát triển KH&CN trong các lĩnh vực: Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất, Khoa học biển giai đoạn 2017-2025¹⁹.

Các cơ sở đào tạo của Bộ đã thực hiện đổi mới mạnh mẽ công tác: xây dựng đội ngũ, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, xây dựng cơ sở vật chất,... Trong đó, trên tinh thần thực học và lấy người học làm trung tâm, theo Chiến lược phát triển trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phấn đấu trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tiệm cận với các cơ sở đào tạo đại học uy tín trong khu vực.

7. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên đáp ứng yêu cầu phục hồi, tái cơ cấu nền kinh tế

7.1. Phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai

Hiện nay, các địa phương đang tích cực triển khai lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp tỉnh đồng thời với việc hoàn thiện, trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh, thành phố thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045²⁰. Các địa phương đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp

¹⁸ Bao gồm các đối tác quan trọng như: Bộ trưởng Bộ Công Thương Cộng hòa Séc; Thứ trưởng Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản; Đoàn công tác của Bộ ngoại giao Phần Lan; Đại sứ Anh tại Việt Nam; Giám đốc USAID tại Việt Nam; Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam; Đoàn công tác của Ủy ban ngân sách Quốc hội Liên bang Đức, Tổng Giám đốc WWF toàn cầu, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, Trưởng Đại diện JICA tại Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Môi trường Hàn Quốc; Giám đốc Quốc gia WB tại Việt Nam.

¹⁹ Theo Quyết định 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁰ Đến nay, có 23 tỉnh, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh. Trong đó, có 06 tỉnh đã nộp hồ sơ đề nghị thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) gồm Long An, Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Trà Vinh, Bắc Giang.

huyện. Hướng dẫn, phối hợp với các địa phương thực hiện tốt công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các công trình trọng điểm quốc gia: Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, sân bay Quốc tế Long Thành... Thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, toàn Ngành đã tham mưu, xử lý 172 dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng, với diện tích 6.922 ha²¹.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 360/CD-TTg ngày 02/5/2023, Bộ đã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao và tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025. Theo đó, qua tổng hợp báo cáo của 63/63 tỉnh, thành phố cho thấy kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sử dụng đất còn hạn chế²². Trong khi đó, nhiều địa phương đang đề xuất điều chỉnh kế hoạch chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, chủ yếu tập trung vào đất trồng lúa, đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng²³,...

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến liên quan đến lĩnh vực đất đai phục vụ người dân, doanh nghiệp. Kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong cả nước đã có những chuyển biến tích cực, nhiều địa phương đã từng bước đưa cơ sở dữ liệu đất đai vào quản lý, vận hành, khai thác sử dụng có hiệu quả, minh bạch, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, kết nối liên thông điện tử với các cơ quan có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, kê khai, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng CSDL đất đai đạt được những kết quả đáng khích lệ. Cả nước đã cấp được hơn 44 triệu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đã cấp giấy chứng nhận đạt trên 23,6 triệu ha, chiếm tỷ lệ khoảng 97,6% diện tích cần cấp. Đến nay có 455/705 đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành CSDL địa chính với hơn 46 triệu thửa đất đưa vào vận hành phục vụ công tác quản lý

²¹ Qua rà soát, hiện cả nước có 908 dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng (còn vướng mắc chưa xử lý), với diện tích là 28.155 ha, trong đó: (1) đã xử lý xong (đã thu hồi đất và đã chấm dứt hoạt động dự án) là 172/908 dự án, với diện tích là 6.922 ha; (2) đã xử lý gia hạn sử dụng đất 226/908 dự án, với diện tích là 1.719 ha; (3) đang xử lý 106/908 dự án, với diện tích là 1.206 ha; (4) chưa xử lý 404/908 dự án, với diện tích là 18.308 ha.

²² Kết quả cụ thể theo **Kết quả thống kê đất đai năm 2022/chỉ tiêu đến hết năm 2025**: (1) đất trồng lúa: Đất trồng lúa thực hiện giảm 12,02 nghìn ha/184,21 nghìn ha, đạt tỷ lệ trung bình 6,53%; (2) đất rừng phòng hộ: thực hiện tăng 3,94 nghìn ha/53,43 nghìn ha, đạt 7,37%; (3) đất giao thông, thực hiện tăng 11,71 nghìn ha/109,71 nghìn ha, đạt 10,67%; (4) đất thể dục thể thao, đạt 5,91%; (5) đất khu công nghiệp, thực hiện tăng 2,84 nghìn ha/62,01 nghìn ha, đạt tỷ lệ 4,58%; (6) đất công trình năng lượng, thực hiện tăng 6,06 nghìn ha/54,06 nghìn ha, đạt 11,23%...

²³ Qua tổng hợp số liệu đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương: đối với chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa có 01 tỉnh đề xuất tăng 120 ha và 29 tỉnh đề xuất giảm với diện tích là 90.781 ha thì đến năm 2025 cả nước còn 3,642 triệu ha tiệm cận diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết 39/2021/QH15 về quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm quốc gia (2021-2025) là 3,568 ha; đất khu công nghiệp có 37 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất tăng với diện tích 46.038 ha, chỉ có 01 tỉnh đề xuất giảm 58 ha; đất giao thông có 31 tỉnh đề xuất tăng với diện tích là 32.701 ha, không có địa phương đề xuất giảm.

nhà nước về đất đai và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp; 46/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, liên thông giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân; 63/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư, trong đó đã kết nối được dữ liệu của 461/705 đơn vị cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị cấp xã; 34/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, liên thông giữa cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương với hệ thống một cửa điện tử của địa phương.

7.2. Tập trung triển khai các chủ trương, giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước

Toàn Ngành đã tập trung triển khai thực hiện Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông; thực hiện đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia²⁴. Tăng cường thực hiện công tác quản lý, thăm định và hậu kiểm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất²⁵. Thực hiện giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đến nay 100% đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày; theo dõi, giám sát trực tuyến vận hành 90% hồ chứa thủy điện lớn; thực hiện phân bổ nguồn nước hợp lý cho các mục đích sử dụng nước. Thực hiện lập hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất²⁶; hầu hết các hồ thủy điện đang hoạt động (trên 1 triệu m³) đã và đang hoàn thành việc cắm mốc hàng lang.

Chủ động cấp nước sinh hoạt cho các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước, Bộ đã tổ chức thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước, theo đó, đã phê duyệt 286 vùng cao tại 41 tỉnh²⁷.

Chủ động nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể để thực hiện chủ trương, chính sách trong quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Mê Công; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác về quản lý nguồn nước xuyên biên giới thông qua cơ chế hợp tác Ủy hội Mê Công quốc tế và các cơ chế hợp tác tiểu vùng khác.

7.3. Phát huy vai trò nguồn lực khoáng sản, đáp ứng nguồn cung về nguyên vật liệu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược

Trong năm 2023, các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; tiếp tục thực hiện Chỉ thị 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nhờ đó công tác quản lý nhà nước về khoáng

²⁴ Trên địa bàn một số tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, các sông vùng Quảng Ninh.

²⁵ Đến nay, Bộ đã cấp 2.058 giấy phép về tài nguyên nước; phê duyệt 854 công trình khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng 12.719 tỷ đồng²⁵ (từ năm 2017 đến nay).

²⁶ Đến nay, có 47/63 tỉnh đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; ; 40/63 tỉnh, thành đã thực hiện việc phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt cho các công trình thuộc đối tượng trên địa bàn tỉnh; 27/63 tỉnh, thành đã ban hành Quyết định công bố danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; 50/63 tỉnh, thành phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; 39/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh và 47/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước.

²⁷ Gồm: Cao Bằng (14 vùng), Bắc Kạn (03 vùng), Lạng Sơn (14 vùng), Điện Biên (09 vùng), Hà Giang (04 vùng), Lai Châu (01 vùng), Sơn La (05 vùng), Lào Cai (01 vùng), Yên Bái (11 vùng)...

sản và hoạt động khoáng sản đã có những chuyển biến rõ nét, tích cực. Phần lớn các địa phương đã có quy hoạch khoáng sản hoặc đang rà soát, bổ sung điều chỉnh các quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền, đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo quy định.

Để đáp ứng yêu cầu triển khai đồng loạt thi công các dự án thành phần thuộc dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Bộ đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ ban hành các nghị quyết cho phép áp dụng các "cơ chế đặc thù" trong việc khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp, hướng dẫn các địa phương có dự án đi qua và nằm trong hồ sơ dự án về quy trình, thủ tục đăng ký khối lượng, khu vực khai thác mỏ nhằm rút ngắn thời gian, có thể khai thác ngay vật liệu cung cấp cho dự án. Đến nay, các khu vực phía Bắc và Tây nguyên cơ bản đáp ứng vật liệu cho các dự án, tiếp tục chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn đối với các dự án tại vùng đồng bằng sông Cửu Long²⁸. Đã đánh giá được tài nguyên khoáng sản cát biển đáp ứng yêu cầu làm vật liệu san lấp cấp 333 + cấp 222 đạt 680 triệu m³, trong đó cấp tài nguyên 222 là 145 triệu m³, chuyển giao kịp thời để khai thác phục vụ vật liệu đắp nền cho các dự án đường cao tốc và các dự án xây dựng khác ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, các địa phương đã phê duyệt 103 kế hoạch đấu giá với hơn 200 khu vực và tổ chức thành công các phiên đấu giá thuộc thẩm quyền, đảm bảo tính công khai, minh bạch, lựa chọn được các doanh nghiệp có đủ năng lực về vốn, công nghệ, thiết bị tham gia vào hoạt động khoáng sản. Công tác khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản cơ bản đã được các địa phương thực hiện và hoàn thành. Năm 2023, nguồn thu từ hoạt động khoáng sản đóng góp lớn vào ngân sách Nhà nước, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã nộp 16.479 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước²⁹.

7.4. Hoàn thiện thể chế quản lý tổng hợp về biển và hải đảo

Các địa phương ven biển đã thực hiện tốt việc tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước, biển và hải đảo; triển khai thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển³⁰. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, đã có 26/28 tỉnh, thành phố có biển đã phê duyệt Danh mục

²⁸ Trước mắt, đã ưu tiên bố trí ngay nguồn cát đắp cho các dự án cao tốc Cần Thơ - Hậu Giang và Hậu Giang - Cà Mau với khối lượng 9,1 triệu m³ của năm 2023 (trong đó An Giang là 3,3 triệu m³, tỉnh Đồng Tháp là 3,3 triệu m³ và tỉnh Vĩnh Long là 2,5 triệu m³).

²⁹ Trong đó: cấp trung ương là 2.922 tỷ đồng, cấp địa phương là 13.557 tỷ đồng

³⁰ Tổng diện tích giao khu vực biển là 4.769,422 ha, trong đó: thẩm quyền Trung ương là 1.183,15 ha; thẩm quyền địa phương là 3.586,272 ha.

hành lang bảo vệ bờ biển (HLBVBB)³¹.

Phối hợp với các cơ quan thực hiện chức năng tổng hợp, theo dõi, quản lý đảm bảo chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030; đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045³². Thực hiện nhiệm vụ Văn phòng Cơ quan thường trực Ủy ban quốc gia thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì nhiệm vụ, dự án rà soát, đề xuất điều chỉnh các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.

8. Tổ chức thực thi các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Triển khai thực hiện giám sát, kiểm soát các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại các KCN, CCN, làng nghề, lưu vực sông...; trong đó, tập trung giám sát các cơ sở, khu vực có hoạt động sản xuất có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường³³; hướng dẫn, đôn đốc đề yêu cầu chủ đầu tư các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 92%; quản lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại (CTNH) thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý³⁴. Tiếp tục triển khai xử lý các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, phối hợp với các địa phương tập trung xử lý ô nhiễm môi trường³⁵. Duy trì và tăng cường hiệu quả Đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường của Trung ương và địa phương³⁶.

Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Đôn đốc các địa phương triển khai các giải pháp cụ thể, bảo đảm tỷ lệ rác thải sinh

³¹ Gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng; Bạc Liêu và Kiên Giang. Các tỉnh chưa phê duyệt gồm: TP HCM và Cà Mau.

³² Quyết định số 1280/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 Thủ tướng Chính phủ.

³³ Bao gồm: 1. Khu vực miền Bắc: (1) Các cơ sở thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá, (2) Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formos Hà Tĩnh, (3) Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên, (4) Các cơ sở chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Tăng Loông, tỉnh Lào Cai, (5) Các cơ sở chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Lâm tỉnh Bắc Ninh, (6) Các cơ sở chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp làng nghề Mẫn Xá - Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh; 2. Khu vực miền Trung – Tây Nguyên: (1) Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

³⁴ Trên cả nước hiện có 117 cơ sở xử lý CTNH, theo báo cáo của các địa phương, đến nay, tỷ lệ thu gom, xử lý CTNH đạt khoảng 90%.

³⁵ Khu vực sông Bắc Hưng Hải; khu vực làng nghề Mẫn Xá, Văn Môn, tỉnh Bắc Ninh.

³⁶ Đường dây nóng về ô nhiễm môi trường Trung ương (Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường là đầu mối tiếp nhận) đã tiếp nhận 457 thông tin phản ánh từ công dân

hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đạt 95%; 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Ban hành tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam đối với Bao bì nhựa thân thiện với môi trường. Triển khai thực hiện quan trắc môi trường thuộc chương trình quan trắc môi trường quốc gia và theo Kế hoạch được phê duyệt³⁷; tổ chức thực hiện việc kết nối, tiếp nhận và xử lý dữ liệu quan trắc tự động liên tục từ các địa phương và doanh nghiệp truyền về³⁸.

9. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai phục vụ phát triển KT-XH

Hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác khí tượng thủy văn, thúc đẩy xã hội hóa, hiện đại hóa hệ thống dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai thông qua việc triển khai hoàn thiện các Quy hoạch mạng lưới trạm, Đề án hiện đại hóa ngành tăng cường công tác dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai nguy hiểm cho các địa bàn, khu vực theo chỉ đạo, định hướng của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 10-CT/TW, Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn 2045; đảm bảo sự hoạt động ổn định của hệ thống mạng lưới trạm, hệ thống máy chủ, các hệ thống thông tin chuyên ngành khí tượng thủy văn thông suốt trong mọi tình huống, chuẩn bị sẵn sàng cho mùa mưa bão năm 2023.

Theo dõi chặt chẽ, dự báo sát diễn biến của 02 áp thấp nhiệt đới, 05 cơn bão, 21 đợt không khí lạnh (có 02 đợt rét đậm), 20 đợt nắng nóng, 21 đợt mưa lớn trên diện rộng; 12 đợt lũ lớn (trên phạm vi cả nước); 28 đợt lũ quét, sạt lở đất (trên phạm vi cả nước); mưa lớn, lũ, ngập lụt ở các tỉnh từ Thanh Hóa đến Phú Yên. Trước tình hình thiếu nước và xâm nhập mặn ở khu vực Nam Bộ, đã phát hành Bản tin dự báo xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long mùa khô 2022-2023 và thực hiện tốt công tác dự báo phục vụ Quy trình liên hồ chứa cho 11 lưu vực sông trên toàn quốc; thực hiện đầy đủ công tác dự báo phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân năm 2022-2023. Từ tháng 5/2023 đã báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai nhận định sớm về khả năng tác động của El Nino đến nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn, để các Bộ, ngành, địa phương chủ động điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội, cơ cấu sản xuất, mùa vụ, triển khai các biện pháp phòng tránh giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn.

Các địa phương đã tổ chức thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao trong các Quyết định quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai và Quyết định quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai. Các Đài KTTV tỉnh đã tổ chức theo dõi thường xuyên tình hình KTTV, thu thập, xử lý thông tin, ban hành các bản tin cảnh báo, dự báo áp thấp nhiệt đới, bão; cung cấp các bản tin cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các cơ quan đơn vị trong tỉnh theo đúng quy định.

³⁷ Cụ thể: trong 05 tháng đầu năm 2023, đã thực hiện 04/08 đợt quan trắc tại khu vực phía Bắc; 03/08 đợt quan trắc tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên và 01/08 đợt quan trắc tại khu vực miền Nam theo chương trình quan trắc môi trường quốc gia.

³⁸ Đã tiếp nhận và quản lý số liệu quan trắc môi trường tự động của gần 1.800 trạm quan trắc từ các địa phương, doanh nghiệp trên cả nước truyền về thông qua phần mềm Envisoft, phục vụ công tác quản lý

10. Triển khai các chủ trương, giải pháp chuyển đổi xanh, giảm phát thải, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động bám sát các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050³⁹ để phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu. Tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập 26 quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (Tuyên bố JETP); Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 của Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước. Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030; Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26. Tích cực làm việc với Liên minh tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (GFANZ) và các định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm triển khai cam kết của Việt Nam về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện mục tiêu Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và Thỏa thuận Paris, Bộ đã phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai xây dựng dự thảo Thông báo quốc gia lần thứ tư của Việt Nam và Báo cáo minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất của Việt Nam để gửi Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; phối hợp với Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) hoàn thiện Hệ thống báo cáo trực tuyến giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; phối hợp với các cơ quan liên quan và Ngân hàng Thế giới hoàn thiện Văn kiện Dự án triển khai thực hiện thị trường các-bon tại Việt Nam để thực hiện trong giai đoạn 2024-2028. Tham gia thực hiện những mục tiêu của Công ước Vienna về bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị định thư Montreal⁴⁰; triển khai một số hoạt động hợp tác quốc tế với các bên về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát, quản lý vòng đời các chất fluorocarbon, làm mát bền vững khu vực đô thị, làm mát xanh quốc gia. Tích cực làm việc với Ngân hàng Thế giới, UNEP và các chuyên gia về xây dựng Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HFC giai đoạn 1 và Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC giai đoạn 3.

Thực hiện Tuyên bố JETP, nhằm thu hút đầu tư vào chuyển đổi và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, củng cố hạ tầng lưới điện, giáo dục và đào tạo nghề, huy động tham gia của khu vực tư nhân vào phát triển các trung tâm năng lượng tái tạo, lưu trữ, cất trữ và sử dụng các-bon, sản xuất thiết bị và pin lưu trữ năng lượng, sản xuất hydrogen xanh, phát triển điện gió ngoài khơi... Tổ chức công bố Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) tại COP28 cùng với Nhóm các đối tác quốc tế.

Huy động các nguồn lực ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là tại vùng đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng bảo vệ môi trường, thúc đẩy trồng rừng, lần đầu tiên bán chứng chỉ carbon và phát hành trái phiếu xanh. Triển khai quyết

³⁹ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2022

⁴⁰ Trong 5 năm, Việt Nam đã giảm được 1.000 tấn HCFC đúng như cam kết tại Nghị định thư Montreal.

liệt các chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng, thể hiện trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

11. Thực hiện nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa công tác quản lý dữ liệu thông tin địa lý quốc gia; ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường

Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁴¹. Tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia đàm phán và phân giới cắm mốc 16% còn lại trên tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; phối hợp kiểm tra kỹ thuật song phương trên toàn tuyến biên giới theo Nghị định thư phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; thực hiện công tác quản lý biên giới và thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu và thành lập bộ bản đồ chuẩn trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào; tham gia cùng các Bộ, ngành đàm phán, giải quyết các vấn đề với các nước có liên quan trên biển Đông.

Hoàn thành xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia đối với các tỷ lệ: 1:25.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 phần đất liền và các tỷ lệ 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 trên vùng biển Việt Nam.

Hướng dẫn, triển khai thực hiện “Đề án Ứng dụng viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”: Hiện nay, các Bộ, địa phương đã phân công đầu mối chủ trì thực hiện, cũng như đề xuất các nhiệm vụ kế hoạch hàng năm triển khai ứng dụng viễn thám phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Đây mạnh ứng dụng viễn thám ở các địa phương; đẩy nhanh tiến độ dự án ASEAN - Ấn Độ tại Bình Dương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong năm 2023, bám sát chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn Ngành đã rất nỗ lực, quyết liệt trong giải quyết công việc, bảo đảm các hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, của Ngành được nhịp nhàng, thông suốt, đặc biệt trong bối cảnh Bộ có sự thay đổi, chuyển giao lãnh đạo. Nhiều kết quả quan trọng đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước ghi nhận và Nhân dân đánh giá cao, trong đó nổi bật là:

(1) Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tiếp tục được quan tâm, qua đó tạo lập hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống.

(2) Chủ động thực hiện sớm các giải pháp để đảm bảo các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế như đất đai, sản xuất, tài nguyên nước, thông tin, số liệu khí tượng thủy văn phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược của đất nước.

(3) Hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của chính quyền các cấp, doanh nghiệp, nhà đầu tư và nhận thức của người dân đối với các vấn đề về môi trường ngày càng được nâng cao.

⁴¹ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 27/3/2023

(4) Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu trong Ngành tài nguyên và môi trường được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Theo báo cáo xếp hạng đánh giá mức độ chuyển đổi số năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường xếp hạng **3/17** Bộ, cơ quan ngang Bộ (có dịch vụ công).

(5) Chủ động dự báo sớm, đủ độ chi tiết, tin cậy cao trong cảnh báo mưa lớn, bão, lũ trên các sông và các hình thái thời tiết cực đoan, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra⁴².

(6) Chủ động triển khai các chiến lược, kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng, thu hút đầu tư ngoài nước cho phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

2. Tồn tại, hạn chế và thách thức

Bên cạnh các kết quả tích cực, toàn Ngành tài nguyên và môi trường đang tiếp tục khắc phục các tồn tại, hạn chế và thách thức chủ yếu sau:

(1) Kết quả xây dựng và vận hành CSDL đất đai đạt được đến nay trên cả nước vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, tiến độ hoàn thành xây dựng CSDL theo chỉ đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó nguyên nhân chính của hạn chế này là việc quan tâm chỉ đạo, đầu tư nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai của các địa phương còn hạn chế, chưa tương xứng so với yêu cầu, nhiệm vụ được giao dẫn đến tiến độ hoàn thành ở một số địa phương còn chậm; Hồ sơ, tài liệu đất đai được hình thành qua nhiều giai đoạn khác nhau, thông tin dữ liệu không thống nhất; dữ liệu rất lớn, phức tạp, bao gồm cả dữ liệu đồ họa và dữ liệu thuộc tính với rất nhiều trường thông tin, có nhiều thông tin biến động gây khó khăn cho công tác xây dựng CSDL đất đai; trình độ chuyên môn, kỹ thuật cán bộ xây dựng, quản lý, vận hành CSDL đất đai ở trung ương và địa phương hiện nay còn hạn chế.

(2) Việc tổ chức lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất tại một số địa phương còn chậm; kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho các địa phương còn thấp. Tình trạng lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên còn phổ biến như: đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng, để hoang hóa, đất của các nông lâm trường, các dự án bị dừng thực hiện sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản; tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí, hiệu quả sử dụng còn thấp, nhất là trong nông nghiệp. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được phát huy đầy đủ. Khiếu kiện liên quan đến đất đai có xu hướng giảm so với trước đây nhưng vẫn chiếm tỷ lệ lớn.

(3) Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu phải thực hiện các cam kết về môi trường; do đó cần có lộ trình để nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường; lộ trình chuyển đổi công nghệ các cơ sở sản xuất lạc hậu gây nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Sự gia tăng của chất thải, khí thải, nước thải áp lực lớn lên vấn đề môi trường sẽ chưa giảm trong thời gian ngắn.

⁴² Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra ước tính 4.408,4 tỷ đồng, giảm 68,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Tình trạng vi phạm quy định về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra phổ biến⁴³.

(4) Các cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, tuy nhiên, để hiện thực hóa các cam kết đó cũng đặt ra những thách thức lớn đối với Ngành tài nguyên và môi trường trong thời gian tới, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, huy động hỗ trợ của quốc tế về nguồn lực tài chính, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản trị.

(5) An ninh nguồn nước đang trở thành vấn đề lớn trong bối cảnh phân lớn các hệ thống sông lớn của Việt Nam đều là các sông xuyên biên giới mà Việt Nam là quốc gia ở hạ nguồn. Tổng lượng nước từ nước ngoài chảy vào Việt Nam là 504 tỷ m³, chiếm 60% tổng lượng dòng chảy của các sông của nước ta. Nhưng nếu chỉ xét nguồn nước nội sinh của Việt Nam thì tổng lượng nước bình quân trên đầu người chỉ đạt 3.280 m³ /người/năm, thấp hơn so với trung bình của Đông Nam Á là 4.900 m³ /người/năm. Theo dự báo, trong mùa khô năm 2023 - 2024, tổng lượng dòng chảy từ thượng lưu sông Mê Công (trạm Kratie-Campuchia) về hạ lưu và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm từ 10-15%, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL khả năng đến sớm hơn, cao hơn so với trung bình nhiều năm.

Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

⁴³ Trong năm 2023, tính đến thời điểm báo cáo, đã phát hiện 16.014 vụ vi phạm về môi trường, đã xử lý 14.279 vụ với tổng số tiền phạt là 264,8 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (theo báo cáo của Tổng cục Thống kê).

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

Năm 2024 là năm bản lề, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội. Biến đổi khí hậu, thiên tai, suy giảm hệ sinh thái tự nhiên đang trở thành tình trạng khẩn cấp trên toàn cầu. Các quốc gia ngày càng quan tâm thúc đẩy tăng trưởng xanh, giảm phát thải. Các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường, phát thải sẽ là rào cản đối với hàng hóa, sản phẩm của Việt Nam khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu và thâm nhập vào các thị trường các nước phát triển, nhưng đây cũng là cơ hội để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình phát triển theo xu thế của thời đại với hỗ trợ về công nghệ, nguồn vốn của các nước phát triển.

Ở trong nước, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản, nhưng nền kinh tế tiếp tục chịu “*tác động tiêu cực kép*” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng.

Trong bối cảnh đó Ngành tài nguyên và môi trường tiếp tục tiếp tục đặt trọng tâm năm 2024 là năm “*Đoàn kết - kỷ cương, chủ động - linh hoạt, kịp thời – hiệu quả, phát triển – bứt phá*” để đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát huy các nguồn lực tài nguyên và môi trường cho tương lai bền vững.

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

2. Tập trung chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các chính sách. Bám sát tình hình thực tiễn, kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chấn chỉnh tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Mục tiêu

Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đặt ra:

(i) Trình Quốc hội, Chính phủ dự án Luật Địa chất và Khoáng sản; trình

Quốc hội thông qua dự án Luật Đất đai (sửa đổi) tại Kỳ họp gần nhất; hoàn thành, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi), bảo đảm đồng bộ, thống nhất và kịp thời có hiệu lực đồng thời với Luật.

(ii) Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu để kết nối với hệ thống thông tin đất đai, tạo cơ sở, nền tảng để chính thức vận hành cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông theo mục tiêu đã được nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW vào năm 2025.

(iii) Duy trì và phấn đấu thăng hạng Chỉ số cải cách hành chính của Bộ (so với năm 2022 (Par-index) đạt 86.59/100 điểm xếp thứ 6 trên tổng số 17 các Bộ, cơ quan ngang bộ). Cải thiện chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng 2-3%.

(iv) Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai. Chuẩn hóa các quy trình điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục thiết yếu về đăng ký cấp giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền.

(v) Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường: trên 92% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 30 - 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp.

(vi) Hoàn thành **90-100%** các hồ chứa lớn, quan trọng hoàn thành việc cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước; hoàn thành xây dựng kịch bản nguồn nước **trên 13 lưu vực sông** để hoàn thiện, công bố kịch bản nguồn nước vào đầu năm 2025.

(vii) Tự động hóa 65% số trạm quan trắc khí tượng thủy văn để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão, lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thủy văn.

(viii) 39% diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000; 75% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000.

2. Các giải pháp đột phá

Để góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 ngành tài nguyên và môi trường đặt quyết tâm chủ động vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội. Toàn ngành xác định các khâu đột phá để tăng tốc phát triển là:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, minh bạch; tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn trong quy định của pháp luật, xây dựng hệ thống quy hoạch đồng bộ để giải phóng, phát huy các nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội.

(2) Chuyển đổi số, xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin đất đai (MPLIS), số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các cơ sở dữ liệu quan trọng, cấp bách tạo nền tảng phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

(3) Chủ động hội nhập với các xu thế của thời đại, huy động các nguồn lực xã hội, hỗ trợ quốc tế thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2024

1. Các nhiệm vụ chung

1.1. Tập trung hoàn thiện thể chế tạo đột phá thúc đẩy giải phóng nguồn lực tài nguyên, phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường cho phát triển bền vững, trong đó: tập trung nguồn lực để hoàn thiện dự án Luật Đất đai (sửa đổi) để trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp gần nhất; dự án Luật Địa chất và Khoáng sản để Chính phủ trình Quốc hội trong năm 2024. Tổ chức triển khai thi hành Luật tài nguyên nước (sửa đổi); xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền các VBQPPL bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất trên các lĩnh vực của Ngành⁴⁴.

1.2. Giao chỉ tiêu, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, cá nhân trong kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Ngành để thống nhất triển khai, tạo được sự chuyển biến từ Trung ương tới cơ sở. Tăng cường kỷ luật ngân sách, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; định kỳ kiểm điểm đánh giá tiến độ thực hiện từng nhiệm vụ để có các giải pháp tháo gỡ vướng mắc.

1.3. Xác định sớm nội dung, đối tượng thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thanh tra năm 2024 để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, tránh trùng chéo giữa Trung ương và địa phương. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, xiết chặt kỷ luật, kỷ cương. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tạo lập

⁴⁴ Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định quy định chi tiết việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Điều 17 của Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; Nghị định của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (thay thế Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định của Chính phủ quy định về giá đất (thay thế Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất

hành lang pháp lý, cơ sở dữ liệu để thực hiện cung cấp dịch vụ công nhất là trong lĩnh vực đất đai cho người dân.

1.5. Tăng cường chủ động hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế; tham gia tích cực vào các nỗ lực chung toàn cầu về bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, giải quyết ô nhiễm nhựa. Trong đó, tập trung chủ trì xây dựng và tham gia đàm phán xây dựng Thỏa thuận toàn cầu về ô nhiễm nhựa.

Đẩy mạnh tham gia các sáng kiến quốc tế và khu vực về tài nguyên và môi trường, nâng tầm ngoại giao môi trường, khí hậu nhằm thu hút nguồn lực, tri thức và kinh nghiệm phục vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường, góp phần phát triển bền vững đất nước.

1.6. Phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao; tăng cường hình thức đặt hàng của các cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, giải quyết các vấn đề mới đặt ra với Ngành, đảm bảo hiệu quả, ứng dụng của các nghiên cứu, vận hành, gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Trung ương với địa phương về tài nguyên và môi trường.

1.7. Tổ chức thực hiện tốt các đề án, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; tăng cường công tác truyền thông để nâng cao ý thức trách nhiệm của từng người dân, tổ chức tạo sự chuyển biến trong toàn xã hội trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Đối với các lĩnh vực chuyên ngành

2.1. Lĩnh vực quản lý đất đai

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương hoàn thành, trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp tỉnh. Tổ chức thực hiện “Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030 cấp quốc gia”. Hoàn thành Chiến lược sử dụng đất cấp quốc gia có tầm nhìn dài hạn đến năm 2045. Tổ chức kiểm tra công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các dự án theo quy định của pháp luật.

Tổ chức triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Trong đó, thành lập các Tổ Công tác chuyên trách để đôn đốc, hướng dẫn các địa phương, nhất là tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,... giải quyết các vướng mắc liên quan đến giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm; xem xét, xử lý ngay các vấn đề vướng mắc thuộc thẩm quyền; tăng cường thanh tra,

kiểm tra việc giải quyết các thủ tục xác định giá đất cho các dự án bất động sản, kịp thời phát hiện, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp gây khó khăn, phiền hà, xử lý lòng vòng gây chậm trễ.

Thực hiện theo dõi, cập nhật biến động giá đất trên thị trường; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất tới từng thửa đất gắn với cơ sở dữ liệu đất đai. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xây dựng bảng giá đất và xác định giá đất cụ thể tại các địa phương; xây dựng bản đồ giá đất. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện việc xác định giá đất cụ thể để giao đất, cho thuê đất; tổng hợp báo cáo định kỳ về công tác định giá đất tại các địa phương theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tổ chức thẩm tra Khung chính sách, bồi thường hỗ trợ, tái định cư. Đẩy nhanh tiến độ đối với các vụ việc giám định tư pháp và định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

2.2. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước

Tập trung xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba, Cà, Trà Khúc, Vu Gia - Thu Bồn, Kôn - Hà Thanh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia. Đẩy mạnh tăng cường hệ thống giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giám sát việc vận hành hệ thống liên hồ chứa, vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu của các hồ chứa thủy điện... bằng công nghệ tự động, trực tuyến. Hoàn chỉnh việc xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước tự động, trực tuyến.

Tăng cường giám sát, chỉ đạo việc vận hành các hồ chứa lớn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành liên hồ chứa trên 11 lưu vực sông quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đồng thời, khẩn trương nghiên cứu xây dựng hoàn thiện các quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực bảo đảm an toàn công trình hạ du, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước cho các mục đích sử dụng; triển khai xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông lớn, quan trọng.

Khẩn trương triển khai các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông đã được phê duyệt; các chương trình, đề án phục hồi theo hướng xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực nhằm làm sống lại các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, đặc biệt các sông chảy qua khu đô thị lớn, quan trọng. Tăng cường tìm kiếm, thăm dò, khai thác nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện Đề án “Đánh giá tổng thể tác động và giải pháp ứng phó đối với việc các nước phát triển thủy điện trên dòng chính, chuyển nước sông Mê Công”. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước ở các lưu vực sông xuyên biên giới, đặc biệt là sông Hồng và sông Mê Công.

2.3. Lĩnh vực địa chất, khoáng sản

Tổ chức xây dựng các Đề án: Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội; Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng; “Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long”.

Tiếp tục triển khai Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt⁴⁵. Thực hiện tốt công tác giải quyết các thủ tục hành chính về hoạt động khoáng sản; thẩm định kỹ để cấp phép đúng quy trình, quy định của pháp luật; rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ về thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản đối với các đơn vị có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về khoáng sản. Rà soát các Giấy phép khai thác khoáng sản chưa phê duyệt hoặc phê duyệt tạm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lập hồ sơ trình phê duyệt chính thức tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các giấy phép khai thác khoáng sản đã đủ căn cứ phê duyệt tiền cấp quyền khai thác. Triển khai kế hoạch kiểm tra hoạt động khoáng sản, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản năm 2024. Lập Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản.

2.4. Lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển, hải đảo

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung hoàn thiện trình Quốc hội thông qua Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tổ chức Triển khai Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, khai hoang, lấn biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tổ chức, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 trên cơ sở kế hoạch tổng thể đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả của Chương trình. Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh. Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, để khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển.

⁴⁵ Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023

2.5. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

Tổ chức xây dựng, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ: Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam; Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành môi trường đến năm 2030; tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh. Tập trung hoàn thiện QCVN về khí thải phương tiện ô tô đang lưu hành. Hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhập khẩu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì và xử lý chất thải.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn. Các địa phương triển khai các giải pháp cụ thể, bảo đảm tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đạt 95%⁴⁶; 40% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp⁴⁷.

Kiểm soát chặt chẽ về môi trường và hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu chủ đầu tư các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm tỷ lệ 92% khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Tập trung xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; vấn đề môi trường của các nhà máy điện.

Thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc chất lượng không khí, thực hiện kiểm soát chặt chẽ về chất lượng trong quan trắc môi trường không khí, đặc biệt tại một số thành phố thường xuyên có chất lượng không khí kém; công bố kết quả quan trắc và kịp thời cảnh báo ô nhiễm không khí cho cộng đồng.

2.6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn

Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật KTTV để thực thi hiệu quả Luật KTTV, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động KTTV phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy lùi tình trạng vi phạm hành lang kỹ thuật trạm KTTV.

Làm tốt công tác dự báo KTTV thực hiện dự báo thời tiết, thủy văn chi tiết đến các huyện, thị trên cả nước; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Đặc biệt, theo dõi sát sao hiện tượng El Nino được dự báo tiếp tục duy trì đến năm 2024, kéo theo nhiệt độ cao kỷ lục; bão, ATNĐ dị thường; nguy cơ cao xuất hiện khô hạn diện rộng.

⁴⁶ Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ.

⁴⁷ Theo Quyết định số 52/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động của ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ.

Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án Hiện đại hóa ngành khí tượng thủy văn đến năm 2025 và thời kỳ 2026-2030; hoàn thiện Đề án “Cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam”; triển khai thực hiện xây dựng “Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với Biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ”.

2.7. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

Tập trung xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật). Tiếp tục triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tại Đề án triển khai kết quả COP26, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan. Hoàn thiện các quy định về quản lý tín chỉ các-bon tại Việt Nam, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước và kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới. Tập trung thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức quốc tế, cơ quan có liên quan triển khai cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 và phát huy tổng hợp các nguồn lực nhằm thúc đẩy các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta. Tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp tục học hỏi kinh nghiệm, tận dụng nguồn lực trong triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.8. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám

Hoàn chỉnh Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam; xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào; xây dựng các điểm mốc cơ sở theo đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam. Tiếp tục cung cấp dịch vụ định vị chính xác phát triển hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) thu nhận, quản lý, phân tích, xử lý, cung cấp các thông tin, số liệu quan trắc, điều tra, đo đạc theo thời gian thực để triển khai các ứng dụng thông minh, tự động hóa, từng bước chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hệ độ cao quốc gia nhằm sớm công bố hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng tăng về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bổ sung, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia ở các tỷ lệ hiện đại đồng bộ, thống nhất trong cả nước trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương phục vụ quản lý lãnh thổ, phục vụ quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và các nhu cầu khác của xã hội.

Tiếp tục theo dõi, cung cấp thường xuyên, đột xuất thông tin về tình hình

khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ các lĩnh vực của Ngành; cập nhật thường xuyên dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ nhu cầu của các Bộ, ngành và địa phương trong xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội; theo dõi, giám sát một số loại hình sử dụng đất, giám sát biến động khu vực biên giới đất liền. Thường xuyên giám sát biến động nguồn nước, giám sát các biến động khu vực biên giới quốc gia: Sử dụng công nghệ viễn thám theo dõi, giám sát biến động sử dụng đất, dân cư, xây dựng các nhà máy thủy điện, đập thủy lợi đầu nguồn và các hoạt động khác trên khu vực biên giới đất liền; Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quan trắc, giám sát ô nhiễm môi trường không khí từ các nguồn xuyên biên giới.

2.9. Lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số ngành TN&MT

Xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy định kỹ thuật tạo cơ sở pháp lý thuận lợi, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường⁴⁸.

Tiếp tục triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường; vận hành, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Thông tin một cửa quốc gia; phát triển, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ.

Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Chính phủ, các địa phương, Bộ, ngành phục vụ tích hợp, phân tích, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Ưu tiên xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin đất đai tập trung, thống nhất, đa mục tiêu.

Phát triển, vận hành hạ tầng số, nền tảng số dùng chung, các hệ thống thông tin sử dụng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ trên môi trường điện tử, kết nối, tích hợp, cung cấp thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu phục vụ phát triển Chính phủ số tại Bộ, cung cấp cơ sở hạ tầng, nền tảng và phần mềm ứng dụng dưới dạng dịch vụ cho các đơn vị thuộc Bộ.

Bảo đảm an toàn thông tin mạng trong chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tài nguyên và môi trường. Đảm bảo an toàn thông tin cho toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin và các Trung tâm dữ liệu của Bộ./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

⁴⁸ Xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức triển khai thực hiện đề thu thập, tạo lập, quản lý toàn diện nguồn tài nguyên số về tài nguyên và môi trường; Xây dựng Chiến lược tổng thể tài nguyên số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035; Xây dựng, hoàn thiện các quy định về bảo đảm an 3 toàn, an ninh thông tin và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; Duy trì, cập nhật, tuân thủ Kiến trúc Chính phủ số ngành tài nguyên và môi trường phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam.

PHỤ LỤC 01: CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2023

A. CÁC ĐỀ ÁN, VĂN BẢN TRÌNH CP, TTgCP TRONG NĂM 2023

1. Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).
2. Dự án Luật đất đai (sửa đổi).
3. Đề án hiện đại hóa ngành khí tượng thủy văn đến năm 2025.
4. Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
5. Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu.
6. Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
7. Đề án triển khai tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyên đề năng lượng công bằng (JETP).
8. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản.
9. Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
10. Quy hoạch không gian biển quốc gia.
11. Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
12. Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
13. Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ đến năm 2030.
14. Chương trình quốc gia về bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
15. Nghị định thay thế Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KTTV.
16. Ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2030.

**B. CÁC ĐỀ ÁN, VĂN BẢN ĐƯỢC CP, TTgCP
BAN HÀNH TRONG NĂM 2023**

1. Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).
2. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
3. Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
4. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực TN7MT.
5. Quyết định số 06/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 quy định thí điểm về trình tự, thủ tục chấp thuận chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa với quy mô dưới 500 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
6. Quyết định số 10/2023/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường.
7. Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22/5/2023 ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

C. THÔNG TƯ TRÌNH BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH TRONG NĂM 2023

1. Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.
2. Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.
3. Thông tư số 03/2023/TT-BTNMT ngày 27/6/2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000.
4. Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
5. Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên và môi trường.
6. Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.
7. Thông tư số 07/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn.
8. Thông tư số 08/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000.
9. Thông tư số 09/2023/TT-BTNMT ngày 14/9/2023 sửa đổi một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên nước.
10. Thông tư số 10/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
11. Thông tư số 11/2023/TT-BTNMT ngày 29/9/2023 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000.
12. Thông tư số 12/2023/TT-BTNMT ngày 12/10/2023 quy định kỹ thuật giám sát ngập lụt bằng công nghệ viễn thám.

13. Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

14. Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai.

15. Thông tư số 15/2023/TT-BTNMT ngày 30/10/2023 quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường.

16. Thông tư số 16/2023/TT-BTNMT ngày 30/10/2023 quy định kỹ thuật giám sát mực nước lưu vực sông bằng công nghệ viễn thám.

17. Thông tư số 16/2023/TT-BTNMT ngày 31/10/2023 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000, 1:1.000.000.

18. Thông tư số 18/2023/TT-BTNMT ngày 15/11/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành TNMT.

19. Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15/11/2023 sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

20. Thông tư số 20/2023/TT-BTMT ngày 30/11/2023 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.

21. Thông tư số 21/2023/TT-BTMT ngày 30/11/2023 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về CSDL nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

22. Thông tư số 22/2023/TT-BTMT ngày 15/12/2023 quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường./.

**PHỤ LỤC 02: CÁC ĐỀ ÁN, VĂN BẢN TRÌNH CHÍNH PHỦ,
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2024**

STT	Tên đề án, VBQPPL	Đơn vị chủ trì trình	Trình CP/TTgCP	Ghi chú
I. Lĩnh vực đất đai				
1	Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Vụ Đất đai	Tháng 9	
2	Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	Vụ Đất đai	Tháng 12	
3	Nghị định của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (thay thế Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất)	Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	Tháng 9	
4	Nghị định của Chính phủ quy định về giá đất (thay thế Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất)	Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	Tháng 9	
5	Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và hệ thống thông tin đất đai.	Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai	Tháng 9	
6	Đề án “Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024”	Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai		Tháng 3
II. Lĩnh vực môi trường				
7	Nghị định sửa đổi một số điều của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Điều 17 của Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học	Cục Bảo tồn đa dạng sinh học	Tháng 11	
8	Đề án tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại các khu di sản thiên nhiên	Cục Bảo tồn đa dạng sinh học		Tháng 8

STT	Tên đề án, VBQPPL	Đơn vị chủ trì trình	Trình CP/TTgCP	Ghi chú
	vùng Đông Nam Bộ (các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát)			
9	Đề án tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên vùng đồng bằng Sông Hồng.	Cục Bảo tồn đa dạng sinh học		Tháng 11
10	Quyết định ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải	Cục Kiểm soát ONMT		Tháng 11
III. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản				
11	Luật Địa chất và Khoáng sản	Cục Khoáng sản Việt Nam	Tháng 02	
12	Điều tra, đánh giá tiềm năng cát, cuội, sỏi lòng sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Cục Địa chất Việt Nam	Tháng 6	
13	Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược (đất hiếm) trên lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền) và thăm dò một số diện tích có triển vọng	Cục Địa chất Việt Nam		Tháng 9
14	Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000 vùng Bắc Trung Bộ phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế xã hội	Cục Địa chất Việt Nam		Tháng 11
IV. Lĩnh vực tài nguyên nước				
15	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tháng 4	
16	Nghị định quy định chi tiết việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tháng 5	
17	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tháng 12	

STT	Tên đề án, VBQPPL	Đơn vị chủ trì trình	Trình CP/TTgCP	Ghi chú
18	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Cả thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước	Tháng 9	
19	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước		Tháng 10
20	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Vu GiaThu Bồn thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước		Tháng 11
21	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước		Tháng 11
22	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước		Tháng 11
V. Lĩnh vực Biến đổi khí hậu				
23	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật)	Cục Biến đổi khí hậu		Tháng 02
24	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.	Cục Biến đổi khí hậu	Tháng 7	
VI. Lĩnh vực chung				
25	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Thanh tra Bộ	Tháng 11	